TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 21/2026/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 168/2025/TLST- HNGĐ ngày 19/12/2025 về Xin ly hôn, nuôi con giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh ngày 21/3/1990.

Số CCCD 03719000021xx.

Nơi cư trú: Xóm D, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Xóm T, xã K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T1, sinh ngày 10/8/1986.

Số CCCD: 0370860044xx.

Địa chỉ: Xóm D, xã K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 18/5/2014 và cháu Nguyễn

Mai T2, sinh ngày 03/12/2018.Khi ly hôn, giao cho anh Nguyễn Đình T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Tiến D và giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Mai T2 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về con riêng anh T1 và chị T không ai có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

"*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".*

+ Về con riêng: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T1 đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí DSST: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T1 thỏa thuận để chị T nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/25E số 0003752 ngày 19/12/2025. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thu T số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình (1).*
- *VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).*
- *THADS tỉnh Ninh Bình. (1).*
- *UBND xã K*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*